

Số: /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2022

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

1.1. Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng chủ yếu tập trung vào thu hoạch các cây trồng vụ Mùa và gieo trồng cây vụ Đông theo khung thời vụ. Chăn nuôi trâu, bò, gia cầm nhìn chung ổn định; chăn nuôi lợn gặp khó khăn trong việc duy trì và mở rộng quy mô đàn lợn do giá bán lợn hơi giảm mạnh so với tháng trước.

a. Trồng trọt

Trong tháng, ngành chức năng và các địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân khẩn trương gieo trồng cây trồng vụ Đông còn thời vụ; tích cực chăm sóc các diện tích đã gieo trồng, tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, thực hiện các biện pháp chăm sóc đồng bộ để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt và cho năng suất cao. Các công ty thủy lợi trên địa bàn tăng cường việc kiểm tra đồng ruộng, khơi thông hệ thống kênh mương, kịp thời tưới, tiêu phục vụ sản xuất. Do vụ Mùa năm 2022 thu hoạch muộn hơn trung bình các năm khoảng hơn một tuần và cơn bão số 4 (diễn ra từ ngày 28/9/2022 đến 01/10/2022) gây mưa lớn trên diện rộng nên tiến độ làm đất cho gieo trồng cây vụ Đông năm 2022 – 2023 của tỉnh bị ảnh hưởng. Tính đến trung tuần tháng Mười, toàn tỉnh đã gieo trồng được 11.476,1 ha cây trồng các loại, đạt 76,51% kế hoạch, giảm 3,51% (-418,1 ha) so với cùng kỳ. Tiến độ gieo trồng của các loại cây cụ thể như sau:

Hình 01: Tiến độ gieo trồng vụ Đông năm 2022 - 2023

4.684,5 ha	1.000,7 ha	325,3 ha	112,7 ha	3.781,5 ha
				
Ngô	Khoai lang	Lạc	Đậu tương	Rau các loại
▼ 1,66%	▼ 11,75%	▼ 22,86%	▼ 7,85%	▼ 1,77%

b. Chăn nuôi

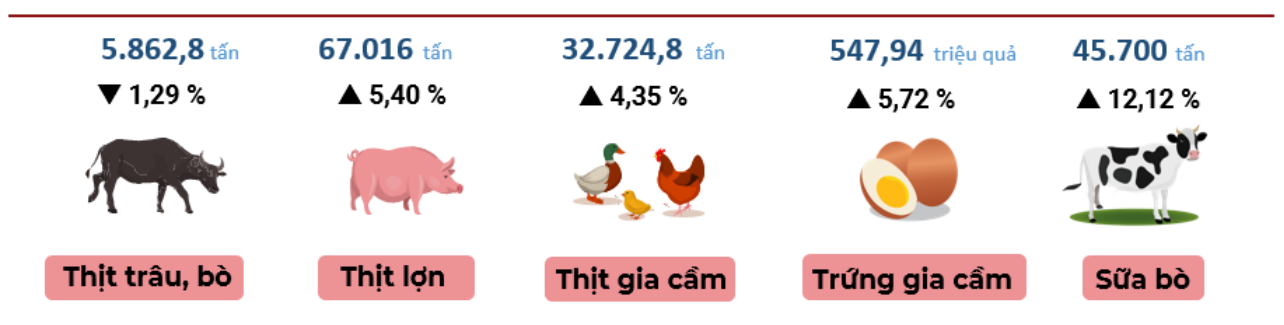
Chăn nuôi trâu, bò của tỉnh tiếp tục xu hướng giảm cả về số lượng đầu con và sản lượng sản phẩm: Tổng đàn trâu, bò trong tháng ước đạt 113.800 con, giảm 1,60%; sản lượng thịt trâu, bò hơi đạt 588 tấn, giảm 2,16% so với cùng kỳ. Riêng chăn nuôi bò sữa của tỉnh có sự phát triển khá do sản phẩm sữa có đầu ra ổn định, sản lượng sữa đạt 4.500 tấn, tăng 12,5% so với cùng kỳ.

Chăn nuôi lợn trong tháng gặp khó khăn do giá bán thịt lợn hơi trên địa bàn tỉnh tiếp tục giảm so với tháng trước (dao động từ 58.000 đồng - 60.000 đồng/kg). Nguyên nhân do nguồn cung dồi dào trong khi sức tiêu thụ thịt lợn tại các kênh bán lẻ đều chậm; sản phẩm trong nước vẫn khó cạnh tranh về giá với các loại thịt nhập khẩu trên thị trường có giá bán thấp hơn. Tổng đàn lợn tại thời điểm 31/10/2022 ước đạt 490.000 con, tăng 4,26% so với cùng thời điểm năm trước. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 6.218 tấn, tăng 5,57% so với cùng kỳ.

Đàn gia cầm phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, kết quả chăn nuôi gia cầm về đầu con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng và sản lượng trứng sản xuất ra đều tăng so với cùng kỳ. Giá trứng, thịt gia cầm tuy có giảm so với các tháng trước nhưng vẫn ở mức cao, người chăn nuôi có lãi nên yên tâm sản xuất. Tổng đàn gia cầm tại thời điểm 31/10/2022 ước đạt 12,08 triệu con, tăng 0,67%. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 3,14 nghìn tấn, tăng 5,55% so với cùng kỳ. Sản lượng trứng gia cầm trong tháng ước đạt 55,0 triệu quả, tăng 5,57% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng đầu năm, sản lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng đạt 5.862,8 tấn, giảm 1,29%; thịt lợn hơi đạt 67.016,0 tấn, tăng 5,40%; thịt gia cầm hơi đạt 32.724,8 tấn, tăng 4,35 %; sản lượng trứng gia cầm đạt 547,9 triệu quả, tăng 5,72%; sản lượng sữa bò tươi đạt 45.700 tấn, tăng 12,12% so với cùng kỳ.

Hình 02: Một số sản phẩm chăn nuôi 10 tháng đầu năm 2022



1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng Mười, toàn tỉnh đã hoàn thành kế hoạch trồng rừng mới tập trung năm 2022 với diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 700,0 ha. Sản lượng gỗ khai thác

trong tháng ước đạt 4.469,1 m³ tăng 2,47% so với cùng kỳ; sản lượng củi khai thác ước đạt 4.156,0 ste, giảm 0,34% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 38.205,8 m³, tăng 3,58%; sản lượng củi khai thác ước đạt 40.487,0 ste, giảm 8,59% so với 10 tháng đầu năm 2021.

Các cây lâm nghiệp trồng phân tán tiếp tục được chăm sóc, bảo vệ. Công tác phòng chống và cảnh báo cháy rừng tiếp tục được duy trì với sự phối hợp thực hiện hiệu quả của cơ quan chức năng, chủ rừng và người dân trên địa bàn tỉnh; trong tháng không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

1.3. Sản xuất thủy sản

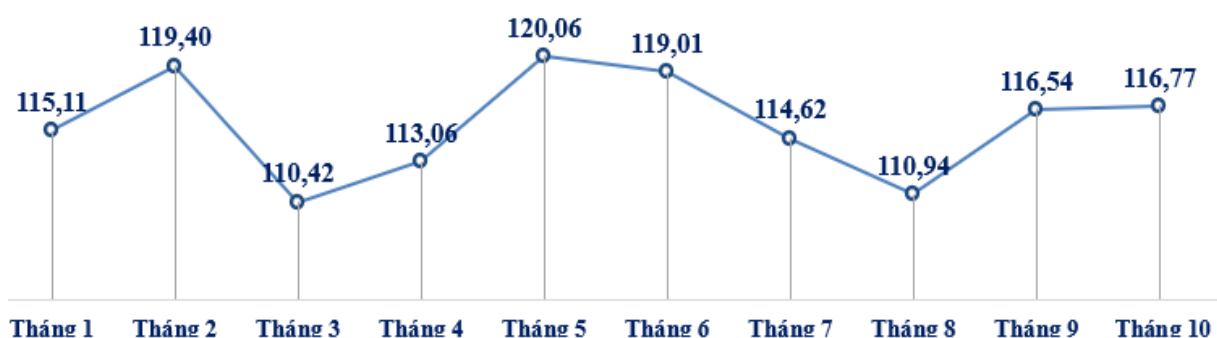
Tháng 10/2022, sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh ổn định. Tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 1.730,5 tấn, tăng 6,62%; trong đó, sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.569,5 tấn, tăng 7,37% (+107,7 tấn); sản lượng khai thác ước đạt 161,0 tấn, giảm nhẹ. Tính chung 10 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 19.579,67 tấn, tăng 0,39%; trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 18.019,86 tấn, tăng 0,49%, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.559,81 tấn, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Diện tích nuôi trồng thủy sản tính đến hết tháng Mười ước đạt 6.473,4 ha, giảm nhẹ so với cùng kỳ; trong đó, diện tích nuôi cá đạt 6.466,8 ha, thủy sản khác là 6,6 ha. Thời gian này, các cơ sở, hộ nuôi trồng thủy sản đang tích cực đầu tư, chăm sóc đàn cá nhất là đối với các diện tích một lúa, một cá để chuẩn bị thu hoạch vào dịp cuối năm.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 10/2022, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp đạt mức tăng khá so với tháng trước và so với cùng kỳ. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt, dẫn dắt tăng trưởng chung và liên tục duy trì ở mức tăng hai con số. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 6,41% so với tháng trước và tăng 16,77% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm, IIP ước tính tăng 15,42% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu 02: Chỉ số IIP các tháng năm 2022 (%)



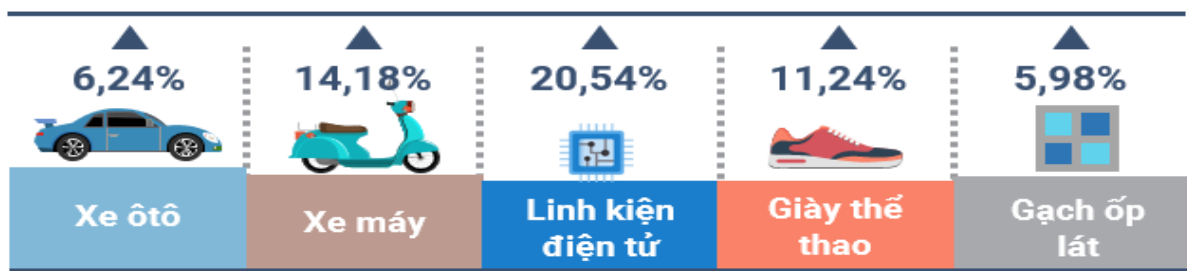
Tháng 10/2022, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 6,41% so với tháng trước và tăng 16,77% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ, ngành khai khoáng giảm 60,45%¹; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,90%; sản xuất và phân phối điện tăng 13,22%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,40%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10/2022 đều có sản lượng sản xuất tăng so cùng kỳ năm trước; trong đó, một số sản phẩm chủ lực của tỉnh ghi nhận mức tăng khá, đóng góp chủ yếu vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp: Giày thể thao ước đạt 1.279,2 nghìn đôi, tăng 23,37%; gạch ốp lát đạt 9.523,6 nghìn m², tăng 23,22%; ô tô các loại đạt 3.350 xe, tăng 7,48%; xe máy các loại đạt 136.276 chiếc, tăng 11,90%; doanh thu sản xuất lĩnh vực điện tử ước đạt 22.439,2 tỷ đồng, tăng 22,34% so với tháng 10/2021.

Tính chung 10 tháng năm 2022, IIP ước tính tăng 15,42% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 11,06% của cùng kỳ năm 2021 và mức tăng 13,89% của cùng kỳ năm 2019 (năm trước khi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện). Một số ngành công nghiệp chế biến chế tạo trọng điểm tăng trưởng cao so với cùng kỳ, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp như: Sản xuất linh kiện điện tử tăng 20,54%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,22%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 14,18%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 11,71%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,24%; sản xuất ô tô tăng 6,24%... Tuy nhiên, vẫn còn một số ngành có IIP giảm so với cùng kỳ do hoạt động sản xuất vẫn gặp khó khăn, chưa phục hồi hoàn toàn sau ảnh hưởng của dịch bệnh: Ngành khai khoáng khác giảm 35,79%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 20,49%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 2,93%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 2,57%.

Tính chung 10 tháng đầu năm nay, sản lượng sản xuất của 05 sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên của tỉnh đều tăng so với 10 tháng đầu năm 2021.

Hình 03: Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 10 tháng đầu năm 2022



¹ Nguyên nhân do công ty cổ phần đầu tư Tân Phát tạm ngừng hoạt động trong thời gian chờ hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép khai thác mỏ đá mới và công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sông Đà - Chi nhánh Trung Mầu (Bình Xuyên) giảm sản lượng khai thác do trữ lượng của mỏ đá đã gần cạn kiệt.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2022 tăng 3,78% so với tháng trước và tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2021. Trừ ngành khai khoáng, ba ngành công nghiệp cấp I còn lại đều có chỉ số sử dụng lao động tăng so với tháng cùng kỳ. Lũy kế đến hết tháng Mười, chỉ số sử dụng lao động tăng 1,46% so với mười tháng đầu năm 2021.

Tháng 10/2022, Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,94% so với tháng trước và tăng 3,99% so với tháng trước và tăng 3,49% so với cùng kỳ. So với tháng trước, 11 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng khá như: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 21,90%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 13,30%; sản xuất xe có động cơ tăng 9,40%... 07 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ trong tháng giảm, mức giảm mạnh nhất là ở 03 ngành: Sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan và sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu với tỷ lệ giảm lần lượt là 8,14%; 4,50%; 2,63%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Mười tăng 0,13% so với tháng trước và giảm 59,09% so với cùng kỳ. So với tháng trước, 08 ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho tăng, 10 ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho giảm hoặc không thay đổi; một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 22,89%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 13,80%; dệt tăng 11,73%; các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là: Sản xuất xe có động cơ giảm 39,77%; sản xuất thiết bị điện giảm 25,96%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 18,16%

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước

Từ đầu năm đến nay, các ngành chức năng của tỉnh nỗ lực triển khai, thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các công trình, dự án, đẩy mạnh công tác giải ngân vốn đầu tư công trong bối cảnh nền kinh tế đang hồi phục và phát triển nhanh chóng. Song 10 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt mức thấp, ước đạt 59,53% kế hoạch năm. Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án chậm, chi phí phát sinh do giá nguyên, nhiên vật liệu tăng cao là những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

Tháng 10/2022, dự kiến tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 911,4 tỷ đồng, tăng 10,27% so với tháng trước, tăng 13,56% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chia ra: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 597,1 tỷ đồng, giảm 0,25%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 264,73 tỷ

đồng, tăng 36,96%, vốn ngân sách cấp xã đạt 49,50 tỷ đồng, tăng 366,05% so với cùng kỳ.

Tổng số vốn đầu tư thực hiện 10 tháng năm 2022 đạt 5.809,13 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2021. Chia ra: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 3.302,25 tỷ đồng, giảm 10,66%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 2.107,07 tỷ đồng, tăng 28,73%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 399,81 tỷ đồng, tăng 105,71% so với cùng kỳ năm 2021.

3.2. Tình hình thu hút đầu tư

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/10/2022, toàn tỉnh đã thu hút được 23 dự án DDI (16 dự án cấp mới, 07 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 9.876,17 tỷ đồng, giảm 39,65% so với cùng kỳ; 57 dự án FDI (25 dự án cấp mới, 32 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 312,5 triệu USD, bằng 31,32% so với cùng kỳ². Đối với 25 dự án FDI cấp mới tổng vốn đăng ký của hoạt động đầu tư đối với các dự án không lớn (bằng 20,12% cùng kỳ năm 2021). Điểm sáng tập trung tại 32 dự án điều chỉnh quy mô với 136,45 triệu USD, tăng 11,23% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục là điểm đến đầu tư an toàn, tin cậy cho các nhà đầu tư gắn bó lâu dài. Phân theo đối tác đầu tư, Nhật Bản là quốc gia đầu tư nhiều nhất với 170,99 triệu USD (cho 08 dự án) chiếm 54,71%; Hàn Quốc đầu tư 67,93 triệu USD (cho 33 dự án), chiếm 21,73% tổng vốn FDI đăng ký. Đây cũng là 2 nhà đầu tư tin cậy và gắn bó lâu dài với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh trong suốt những năm qua.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/10/2022, toàn tỉnh có 1.123 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 20.531 tỷ đồng, tăng 18,71% về số doanh nghiệp, tăng mạnh 99,72% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới tập trung chủ yếu ở khu vực dịch vụ là 710 doanh nghiệp (chiếm 63,22%) với 6.808 tỷ đồng vốn đăng ký mới, tăng 27,44% về số doanh nghiệp và tăng 6,95% về vốn đăng ký, đây là khu vực đang có xu hướng hồi phục mạnh mẽ nhất sau đại dịch.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp tham gia quay trở lại thị trường có xu hướng tích cực với 363 doanh nghiệp, tăng 16,72% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp

² Tổng vốn FDI đăng ký 10 tháng đầu năm 2021 tăng đột biến ở 01 dự án lớn với tổng mức đầu tư lên tới 611 triệu USD, nâng tổng vốn thu hút được cùng kỳ năm 2021 lên 998 triệu USD.

quay trở lại hoạt động đến 15/10/2022 lên 1.486 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 148 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Tuy vậy, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong kỳ là 580 doanh nghiệp, tăng 22,36% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 512 doanh nghiệp, tăng 29,29%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 68 doanh nghiệp, giảm 12,82%. Trung bình mỗi tháng có 58 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 10/2022, tình hình kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và tăng khá. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh thương mại được đẩy mạnh thực hiện. Các nhà phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tích cực đa dạng hóa sản phẩm với nhiều mặt hàng phong phú về chủng loại, đa dạng về mẫu mã; đưa ra nhiều chương trình giảm giá, khuyến mại hấp dẫn nhằm kích cầu tiêu dùng và gia tăng sức mua trong dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười tăng 1,03% so với tháng trước và tăng 24,37% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 54,05 nghìn tỷ đồng, tăng 20,05% so với cùng kỳ.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 10/2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.102,5 tỷ đồng, tăng 1,03% so với tháng trước và tăng 24,37% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.374,4 tỷ đồng chiếm 88,07% tổng mức, tăng 1,25% so với tháng trước và tăng 24,21% so với cùng kỳ. Trong đó nhóm hàng xăng dầu các loại tăng 209,31%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 58,15%; hàng may mặc tăng 40,55%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 27,46%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con tăng 29,03%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 14,12% so với cùng kỳ; lương thực, thực phẩm tăng 10,69%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 490,8 tỷ đồng, chiếm 8,04% tổng mức, giảm 1,37% so với tháng trước và tăng 39,42% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 44,9 tỷ đồng, tăng 2,13% so với tháng trước và tăng 79,13% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 426,1 tỷ đồng, tăng 0,05% so với tháng trước và tăng 20,32% so với cùng kỳ;

hoạt động du lịch lữ hành trong tháng ước đạt 19,8 tỷ đồng, giảm 28,75% so với tháng trước.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng ước đạt 237,3 tỷ đồng, chiếm 3,89% tổng mức, tăng 1,26% so tháng trước và tăng 18,24% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, tất cả các nhóm ngành dịch vụ ghi nhận doanh thu tăng, trong đó: Dịch vụ kinh doanh bất động sản ước đạt 160,6 tỷ đồng, tăng 17,24%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ ước đạt 75,1 tỷ đồng, tăng 15,95%; dịch vụ giáo dục và đào tạo ước đạt 4,3 tỷ đồng tăng 5,74%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 21,9 tỷ đồng, tăng 34,23%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí ước đạt 35,7 tỷ đồng tăng 22,23%; dịch vụ khác ước đạt 52,3 tỷ đồng, tăng 31,21%.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 54.047,1 tỷ đồng, tăng 20,05% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 48.231,7 tỷ đồng, tăng 20,07%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 3.723,3 tỷ đồng, tăng 23,21%; doanh thu các ngành dịch vụ khác đạt ước 2.092,1 tỷ đồng, tăng 14,35%.

4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 10/2022, cùng với sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, hoạt động vận tải kho bãi trên địa bàn nhìn chung ổn định và gia tăng so với tháng trước. Doanh thu hoạt động vận tải ước đạt 445,17 tỷ đồng, tăng 0,96% so với tháng trước và tăng 45,66% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 85,27 tỷ đồng, giảm nhẹ so với tháng trước (giảm 0,59%) nhưng tăng cao so với cùng kỳ (tăng 226,43%) do hoạt động vận tải hành khách trong tháng 10/2021 bị hạn chế bởi đại dịch Covid-19. Vận chuyển hành khách trong tháng ước đạt 1.820 nghìn lượt người, giảm 1,30%; luân chuyển hành khách ước đạt 101.358 nghìn người.km, giảm 1,03% so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng đầu năm, vận tải hành khách ước đạt 16.508 nghìn lượt khách, tăng 73,39%; luân chuyển ước đạt 974.905 nghìn lượt khách.km, tăng 60,43% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải hàng hoá tháng Mười ước đạt 346,63 tỷ đồng, tăng 1,41% so với tháng trước; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3.884 nghìn tấn, tăng 2,44%; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 286.148 nghìn tấn.km, tăng 4,84%.

Tính chung 10 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt gần 33.433 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 39,26%; luân chuyển ước đạt 2.280.971 nghìn tấn.km, tăng 26,51% so với cùng kỳ năm trước.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Theo số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh, đến ngày 15/10/2022, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 26.446 tỷ đồng, tăng 3,63% so với cùng kỳ, bằng 82,92% so với dự toán. Trong đó, thu nội địa đạt 21.190 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,10%; thu hải quan đạt 5.234 tỷ đồng, tăng 30,92% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 17.227 tỷ đồng, tăng 5,98% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả chi tạm ứng) đạt 9.477 tỷ đồng, tăng 11,34%; chi thường xuyên đạt 7.714 tỷ đồng, tăng 0,11% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý thu, chi ngân sách được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh, xã hội của địa phương.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Tháng 10/2022, trên thế giới, xu hướng lạm phát đang ở mức cao và lãi suất tăng nhanh tiếp tục diễn ra. Trong bối cảnh đó, để tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ và giải pháp nhằm hỗ trợ thị trường. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn tiếp tục có xu hướng tăng so với cuối năm 2021 (lãi suất tiền gửi bình quân tăng 0,33%/năm, lãi suất cho vay bình quân tăng khoảng 0,36%/năm). Lãi suất cho vay trong tháng trên địa bàn phổ biến từ 4-11%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-7,5%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/10/2022 ước đạt 116.000 tỷ đồng, tăng 13,68% so với cuối năm 2021, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 83.800 tỷ đồng, tăng 18,34%, chiếm 72,24% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 32.200 tỷ đồng, tăng 3,12% so với cuối năm 2021, chiếm 27,76% tổng dư nợ. Nợ xấu còn 805 tỷ đồng giảm 1,11% so với tháng 12/2021, chiếm tỷ lệ 0,69% trên tổng dư nợ. Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 31/10/2022 đạt 102.000 tỷ đồng, tăng 5,87% so với cuối năm 2021. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm ước đạt 65.800 tỷ đồng, tăng 4,27% so với cuối năm 2021; tiền gửi của các tổ chức kinh tế ước đạt 35.400 tỷ đồng, tăng 8,38% so với cuối năm 2021.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ND 31 và Thông tư 03 lũy kế từ đầu chương trình tính đến thời điểm 30/9/2022 với tổng dư nợ cho vay đạt 97,47 tỷ đồng. Cụ thể: Có 36 khách hàng được hỗ trợ lãi suất (HTLS) với số tiền 184,78 triệu đồng, trong đó: 03 DN được HTLS 179,43 triệu đồng; 33 hộ kinh doanh được HTSL 5,35 triệu đồng. Ngân hàng Chính sách xã hội Vĩnh Phúc tiếp tục thực hiện tốt công tác cho vay thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội: Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất 4.637,63 triệu đồng; Cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính, thiết bị phục vụ học trực tuyến 6.487,60 triệu đồng; Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP 150 triệu đồng; Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập 4.479,99 triệu đồng.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 31/10/2022 toàn tỉnh có 1.140.703 người tham gia đóng bảo hiểm các loại. Trong đó, tham gia BHXH có 246.828 người, chiếm 40,5% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 229.050 người; BHXH tự nguyện: 17.778 người) tham gia BH thất nghiệp: 211.065 người, chiếm 36,2% lực lượng lao động; tham gia BHYT: 1.122.925 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93,9% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 4.746,8 tỷ đồng, đạt 81,04% kế hoạch giao và tăng 10,17% so với cùng kỳ năm 2021. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Mười tháng đầu năm, BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 569 người; BHXH một lần cho 7.788 người; Giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 196.926 lượt người; lập danh sách chi trả cho 8.390 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Chỉ số giá

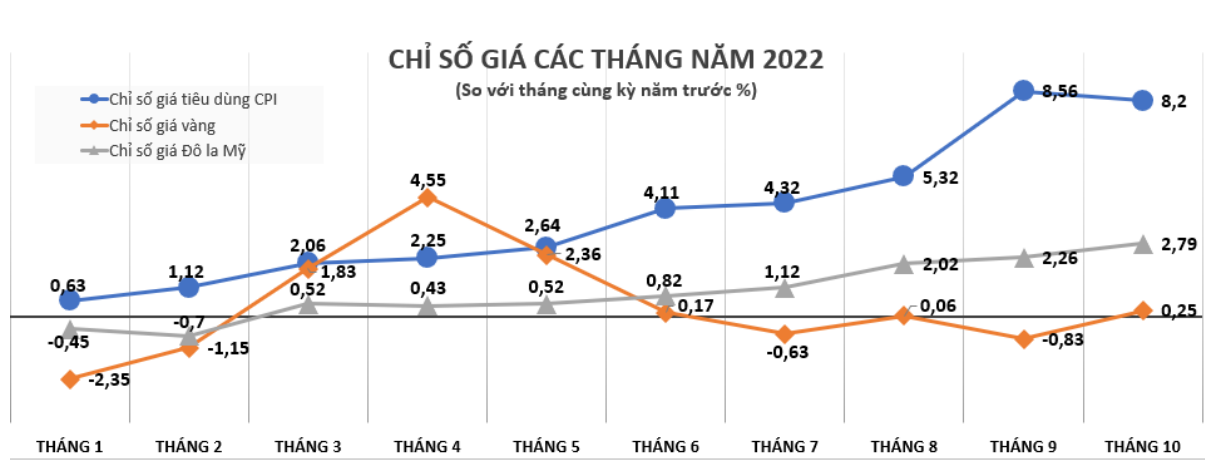
Tháng 10/2022, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm 0,36% so với tháng trước. Giá các mặt hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu giảm là nguyên nhân chính làm CPI giảm, đây là tháng đầu tiên có CPI giảm kể từ đầu năm đến nay. Tuy nhiên, so với tháng 12/2021 và cùng kỳ, CPI vẫn còn có mức tăng cao, lần lượt tăng 7,63% và tăng 8,27%.

So với tháng trước, CPI giảm ở 6/11 nhóm hàng chính, giảm sâu nhất ở nhóm giao thông với mức giảm 1,74%, tác động làm CPI giảm 0,16 điểm phần trăm, trong đó nhóm nhiên liệu giảm 4,91%. Tiếp theo là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,58%. Trong đó: nhóm hàng lương thực giảm 0,36% do các địa phương đã thu hoạch xong lúa vụ Mùa, nguồn cung mặt hàng gạo tăng dẫn tới giá bán các loại gạo

giảm; nguồn cung thịt lợn, thịt gia cầm trong dân và nhập khẩu tăng trong khi nhu cầu tiêu thụ không thay đổi đã làm cho giá các mặt hàng này giảm³, tác động làm nhóm thịt gia súc giảm 3,41%, thịt gia cầm giảm 0,46% kéo theo chỉ số nhóm thực phẩm giảm 0,79%. Các nhóm hàng khác có chỉ số giá ổn định hoặc biến động giảm nhẹ.

Ở chiều ngược lại, giá nhập khẩu các loại vải tăng, cùng với nhu cầu mua sắm của người dân tăng khiến cho giá bán quần áo may sẵn tăng 0,53%, may mặc khác tăng 1,07%, tác động làm chỉ số nhóm may mặc mũ nón và giày dép tăng 0,41%; nhóm giáo dục tăng 0,53% do nhu cầu tiêu thụ văn phòng phẩm thời điểm đầu năm học tăng; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng nhẹ 0,01%.

Mười tháng đầu năm, CPI tăng 3,91% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù giá nhiên liệu được điều chỉnh giảm mạnh trong 4 tháng gần đây nhưng tính chung giá nhiên liệu vẫn tăng cao (tăng 36,01%) so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,04 điểm phần trăm, đây cũng là yếu tố chính làm CPI tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Việc điều chỉnh mức thu học phí tăng cao trong năm học 2022-2023 đã đẩy chỉ số nhóm dịch vụ giáo dục tăng cao 10,06% so với bình quân cùng kỳ, làm CPI tăng 0,65 điểm phần trăm. Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng mạnh 9,81%, do giá nguyên vật liệu chế biến và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng, làm cho nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,15%, tác động làm CPI chung tăng 0,63 điểm phần trăm. Ở chiều ngược lại, giá các loại thịt gia súc giảm sâu so với cùng kỳ (giảm 8,90%), chủ yếu giảm ở nhóm thịt lợn và giảm sâu hơn ở các tháng đầu năm, đã tác động làm CPI chung giảm 0,53 điểm phần trăm.



Giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 10/2022, chỉ số giá vàng tăng 0,39% so với tháng trước, giá vàng bình quân là 5.378 nghìn đồng/chỉ. Giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do tăng 0,47% so với tháng trước, giá bán bình quân là 23.600

³ Giá thịt lợn giảm 0,38%, nội tạng động vật giảm 5,7%, thịt chế biến (giò, chả, thịt quay,...) giảm 0,09%, thịt gà giảm 1,26%, thịt gia cầm đông lạnh giảm 1,14%.

đồng/USD. Bình quân 10 tháng đầu năm, chỉ số giá vàng tăng 0,41%, chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,93% so với cùng kỳ năm trước

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Y tế

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Trong tháng, dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh đã cơ bản được kiểm soát, số ca mắc có xu hướng giảm, tuy nhiên vẫn có nguy cơ dịch bùng phát trở lại. Để chủ động các biện pháp phòng chống dịch, tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng và các địa phương tiếp tục tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia công tác phòng chống dịch theo khuyến cáo của Bộ Y tế.

Theo báo cáo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, tính từ đầu năm đến ngày 17/10/2022 số ca nhiễm COVID-19 trên địa bàn tỉnh là 369.548 ca, trong đó có 701 ca phát sinh trong tháng Mười. Hiện nay, toàn tỉnh có 164 bệnh nhân đang điều trị (Điều trị tại các cơ sở cách ly y tế là 13 người; điều trị tại nhà 151 người). Công tác tiêm phòng vắc xin COVID-19 mũi 2 cho trẻ em từ 05 đến 12 tuổi trong tháng đạt thấp, nguyên nhân do tỉnh phải chờ nguồn vắc xin từ trung ương cấp về.

Công tác phòng chống dịch bệnh khác: Công tác phòng bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân thường xuyên được chú trọng. Tuy vậy, do thời tiết chuyển mùa, một số bệnh truyền nhiễm như cúm, tiêu chảy, thủy đậu vẫn xảy ra rải rác ở các địa phương. Để nhanh chóng phòng, chống, ngành Y tế đã tập trung khoanh vùng và xử lý các ổ dịch; tổ chức phân luồng, điều trị kịp thời cho người bệnh; tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trong công tác vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định; không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm: Theo báo cáo của Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm tỉnh, từ ngày 01/9 đến 30/9/2022, ngành Y tế và UBND các cấp trong tỉnh đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát được 684 lượt cơ sở: có 596 cơ sở đạt, chiếm tỷ lệ 87,1 %; số cơ sở vi phạm 88 cơ sở, chiếm 12,9 % (số cơ sở bị nhắc nhở là 87, số cơ sở bị xử lý vi phạm 01), số tiền xử phạt là 4 triệu đồng. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không xảy ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến ngày 30/9/2022: Lũy tích có 4.887 người nhiễm HIV (số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.358 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.372 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 1.555 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.092 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 888 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.795 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.470 người). Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV

là 1.089 bệnh nhân (trong đó có 24 trẻ em), đạt 88.9% so với số người nhiễm HIV hiện còn sống trong tình quản lý được.

7.2. Giáo dục

Hưởng ứng phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, ngành Giáo dục & Đào tạo tỉnh (GDĐT) đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo của đội ngũ nhà giáo trong công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp. Qua đó, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Các đơn vị, cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện phong trào thi đua; trong đó, các tiêu chí thi đua gắn với 9 nhóm nhiệm vụ chủ yếu, 5 nhóm giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Kết quả bước đầu của phong trào đã và đang trở thành động lực để toàn ngành GDĐT tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực đổi mới trong quản lý, giảng dạy và học tập, từ đó, thực hiện hiệu quả công tác đổi mới căn bản, toàn diện, chất lượng về giáo dục.

7.3. Hoạt động văn hóa, thể thao

Trong tháng, hoạt động văn hóa thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi với nhiều sự kiện, nổi bật là Chương trình khai mạc Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh ngày 28/9 với chủ đề “Vĩnh Phúc - Chắp cánh vươn cao” có sự tham gia của hơn 1.500 nghệ sĩ, diễn viên múa chuyên nghiệp với các tiết mục nghệ thuật độc đáo thể hiện tiềm năng, thể mạnh, khát vọng bay cao, vươn xa của thể thao Vĩnh Phúc trên tinh thần “Thể thao đoàn kết - trung thực - cao thượng” kết hợp văn hóa truyền thống của các địa phương trong tỉnh, nhằm vinh danh các giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân...

Kết thúc đại hội, Ban tổ chức đã trao 104 bộ huy chương cho các tập thể và cá nhân đạt thành tích xuất sắc. Trong đó, thành phố Vĩnh Yên dẫn đầu bảng tổng sắp huy chương với 41 huy chương Vàng, 22 huy chương Bạc và 24 huy chương Đồng; huyện Yên Lạc đứng thứ 2 với 20 huy chương Vàng, 18 huy chương Bạc, 11 huy chương Đồng. Tại Lễ bế mạc, UBND tỉnh đã tặng cờ cho các đơn vị Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn; tặng Bằng khen cho 33 tập thể, 11 cá nhân xuất sắc trong triển khai, tổ chức Đại hội;...

7.4. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

Tình hình an ninh trật tự: Bước vào những tháng cuối năm, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Vì vậy, ngành Công an

của tỉnh đã tập trung triển khai đồng thời nhiều biện pháp nghiệp vụ quyết liệt đấu tranh, triệt phá các ổ nhóm tội phạm hình sự, ma túy, cờ bạc, mại dâm, tội phạm liên quan đến lĩnh vực cầm đồ, hỗ trợ tài chính, "tín dụng đen",... Từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/10/2022, toàn tỉnh đã xảy ra 45 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội (tăng 05 vụ so với tháng trước), làm bị thương 09 người, thiệt hại tài sản 4.420,84 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 42 vụ (đạt 93,3%), với 86 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 2.644,15 triệu đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng, các cấp, các ngành chức năng của tỉnh tập trung triển khai thực hiện nghiêm chỉ thị 25-CT/TU ngày 16/9/2022 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc “về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông”. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông cho nhân dân... Trong tháng Mười, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm cho 03 người chết và 02 người bị thương; so với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn tăng 3 vụ, số người bị thương tăng 02 người.

Tình hình cháy, nổ: Để tăng cường đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, đồng thời phối hợp với các cấp, ngành triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức phòng chống cháy trong toàn dân. Trong kỳ, không có vụ cháy, nổ nào xảy ra.

Công tác bảo vệ môi trường: Trong tháng Mười, tỉnh Vĩnh Phúc đã phát hiện 56 vụ VPMT, số vụ đã xử lý là 56 vụ với số tiền xử phạt là 218,3 triệu đồng; So với tháng trước, số vụ VPMT và số vụ đã xử lý đều tăng 24 vụ; số tiền xử phạt tăng 82,2 triệu đồng. Lũy kế mười tháng đầu năm, đã phát hiện 315 vụ, xử lý 291 vụ, số tiền đã xử phạt 2.555,1 triệu đồng; So với cùng kỳ năm trước số vụ VPMT phát hiện tăng 250 vụ, số vụ đã xử lý tăng 244 vụ và số tiền xử phạt tăng 1.601,1 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong